

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

## QUYỂN 21

### LUẬN VỀ TRÍ (Phần 13)

Thể của nhân năng tác chính là tăng thượng duyên, bởi vì cùng tất cả các pháp làm tự tánh. Nhưng mà nghĩa có khác nhau, đó là nghĩa về nhiều hơn hẳn là nghĩa của tăng thượng duyên, nghĩa về không chướng ngại là nghĩa của nhân năng tác.

Hỏi: Nếu nghĩa về nhiều hơn hẳn là nghĩa của tăng thượng duyên, thì sở duyên duyên cũng phải gọi là tăng thượng, bởi vì Thể của nó cũng thâm nhiếp tất cả các pháp? Như luận Phẩm Loại Túc biện giải: “Hai duyên này đều lất tất cả các pháp làm tự tánh.”

Đáp: Nếu dựa vào tương tục thì hai duyên này rộng - hẹp giống nhau; nếu dựa vào sát-na thì nghĩa về Thể của tăng thượng duyên nhiều hơn hẳn. Nghĩa là duyên với tất cả các pháp khi hành tướng Vô ngã hiện ở trước mắt, trong tất cả các pháp chẳng phải là sở duyên; nghĩa là câu hữu tương ứng với tự tánh này, chẳng phải là tăng thượng chỉ riêng tự tánh này; vì vậy các pháp câu hữu tương ứng, là tăng thượng chứ không phải là sở duyên.

Hỏi: Nếu nghĩa về không chướng ngại là nghĩa của nhân năng tác, thì Thể của nhân năng tác sẽ không thâm nhiếp tất cả các pháp, nghĩa là nên hữu tình nếu dấy khởi uẩn - giới - xứ của nên nẻo, thì hữu tình này lại không sinh ra uẩn - giới - xứ thứ hai; nếu dựa vào nên nhãn sinh ra nên nhãn thức, thì trong đó lại không dấy khởi thức thứ hai; như ở tại nên nơi, nếu có nên cây thì không có cây thứ hai, nếu có nên ngôi nhà thì không có ngôi nhà thứ hai. Như vậy, các pháp chướng ngại lẫn nhau, làm sao nhân này lại thâm nhiếp tất cả các pháp?

Đáp: Tuy có sự việc này mà lý không có gì trái ngược. Nghĩa là nên hữu tình nếu có nghĩa dấy khởi uẩn - giới - xứ của nên nẻo, nói với

uẩn - giới - xứ của các nẻo khác rằng: Tôi đối với các ông không làm gì chướng ngại mà thuận theo các ông sinh khởi; nếu tôi làm chướng ngại cho các ông, thì các ông không có thể hiện rõ trước mắt ở nước kia. Ví dụ về cây và ngôi nhà, theo đúng như vậy mà nói. Vả lại, ngay nơi pháp ấy làm chướng ngại, thì lúc pháp ấy nếu sinh khởi cũng không làm chướng ngại, vì vậy lúc nên pháp sắp sửa sinh khởi, thì tất cả các pháp khác cũng không làm chướng ngại. Nếu như có nên pháp làm chướng ngại đến pháp ấy, thì lúc bấy giờ pháp ấy sẽ không có thể dậy khởi. Nghĩa về không chướng ngại là nghĩa của nhân năng tác, mà năng tác thì thâm nhiếp tất cả các pháp.

Hỏi: Nhân duyên hòa hợp cho nên các pháp sinh, nhân duyên hòa hợp cho nên các pháp diệt, nhân duyên không có lúc nào không hòa hợp, tại sao các pháp không luôn luôn sinh-diệt?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói như vậy. “Nên sinh hòa hợp cho nên các pháp sinh, nên diệt hòa hợp cho nên các pháp diệt, sinh-diệt hòa hợp không có hai-không có nhiều, thì các pháp làm sao luôn luôn sinh-luôn luôn diệt?” Lại nói như vậy: “Nhân duyên hòa hợp thì các pháp sinh rồi, sau đó nối tiếp nhau qua vô lượng sát-na, liên tục che phủ đè nén không có thể dậy khởi được nữa. Như người rơi xuống vách núi lại bị đất đá phía trên liên tiếp trút xuống che kín, người ấy vào lúc bấy giờ hãy còn không thể nào động dậy nổi, huống là có thể đứng dậy hay sao?” Đại đức nói rằng: Nhân duyên hòa hợp đã tạm thời mà có, thì các pháp làm sao luôn luôn sinh-diệt? Tôn giả Giác Thiên nói như vậy: “Các pháp sinh-diệt đều chỉ trong chốc lát, cần phải có tác dụng sinh rồi lại sinh, diệt rồi lại thì trở thành vô dụng, vì vậy các pháp sinh-diệt không phải là thường hằng”.

Hỏi: Lúc nhân duyên hòa hợp sinh ra các pháp, thì công năng của nhân duyên là nhiều hay là nên? Nếu nói chỉ là nên thì làm sao dựa vào nhiều? Nếu nói có nhiều thì làm sao hòa hợp?

Đáp: Có thể nói là nên, có thể nói là nhiều, bởi vì làm cùng nên việc cho nên dựa vào nhiều Thế. Lại nữa, bởi vì công năng của nhân duyên tùy thuận nhau, cho nên có thể nói là nên; vì sinh ra nhiều pháp, cho nên có thể nói là nhiều. Lại nữa, công năng của nhân duyên cùng khiến các pháp dậy khởi tác dụng, cho nên có thể nói là nên; dậy khởi tác dụng riêng biệt như sắc-thọ..., cho nên có thể nói là nhiều. Nếu công năng ấy không có nhiều loại, thì tác dụng đã dậy khởi như sắc-phí sắc... sẽ không có gì sai biệt. Vì vậy, công năng của nhân duyên đối với các pháp, không có thể nói chắc chắn là nhiều hay là nên.

Hỏi: Bởi vì có nhân duyên như vậy cho nên các pháp được sinh,

cũng có nhân duyên cho nên các pháp diệt chẳng?

Đáp: Tôn giả phái Thí Dụ nói như vậy: “Sinh cần phải đến nhân duyên, mà diệt thì không như vậy. Như lúc người bắn cung, mũi tên phát ra cần phải nhờ sức lực, mũi tên rơi thì không như vậy. Như người thợ gốm lúc quay bánh xe cần phải nhờ sức lực, bánh xe dừng thì không như vậy”. Các luận sư A-tỳ-đạt-ma nói: “ Các pháp sinh-diệt đều cần đến nhân duyên, bởi vì diệt và sinh đều là hoạt dụng của nhân duyên”.

Hỏi: Thí Dụ đã nói ở trước, nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Không cần phải thông hiểu, bởi vì không phải là ba Tạng. Nhưng pháp của Thánh-phàm khác biệt cho nên không thể ví dụ như nhau. Vả lại, mũi tên và bánh xe cũng do nhân mà rơi xuống và dừng lại nhân rơi xuống của mũi tên, nghĩa là những tấm bia-lá chắn làm đích..., nếu như không có nhân khác thì giương cung... cũng là nhân của mũi tên rơi, nếu trước không bắn thì mũi tên này từ đâu rơi xuống? Nhân dừng lại của bánh xe, nghĩa là tay và gậy..., nếu không có nhân khác thì người quay bánh xe cũng là nhân của bánh xe ngừng, nếu trước không quay thì nay do đâu mà ngừng lại?

Hỏi: Nếu tấm bia-tay quay... chướng ngại làm cho mũi tên-bánh xe phải rơi xuống-ngừng lại, thì làm nhân năng tác cho chúng như thế nào?

Đáp: Vật như tấm bia-tay quay... ngăn cản sự bay đi-ngừng lại của chúng, chứ không phải là làm trở ngại chúng rơi xuống và ngừng lại, thì làm nhân năng tác đối với lý đâu có sai lầm.

Hỏi: Nếu pháp sinh-diệt đều cần đến nhân duyên, thì nhân duyên sinh duyên có trong tất cả mọi lúc, sao không thể trong lúc sinh cũng diệt-lúc diệt cũng sinh?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói như vậy: “Hai thời gian sinh-diệt hòa hợp đều khác nhau, vì vậy lúc sinh không có diệt-lúc diệt không có sinh, bởi vì nên nhân không thể nào có hai quả”. Lại nói như vậy: “Nhân duyên lúc sinh tùy thuận với pháp ấy, nhân duyên lúc diệt trái ngược có hại đến pháp ấy, tuy nhân duyên ấy trước sau cùng nên thể, mà tác dụng lợi-hại thời gian không như nhau. Giống như Tỳ kheo đã hết mùa an cư, mang theo y bát đi đến các chùa, có kẻ cướp trông thấy Tỳ kheo, trước đó chào hỏi cung kính và tùy thuận đi theo, sau đến cánh đồng vắng vẻ đoạt lấy y bát của Tỳ kheo và lẳng nhục mà bỏ đi. Nhân duyên sinh-diệt cũng lại như vậy”. Đại đức nói rằng: Hai sự việc sinh-diệt đã trái ngược lẫn nhau thì cùng có như thế nào? Tôn giả Diệu Âm nói như vậy: “Lúc các pháp sinh chưa có tác dụng thì sẽ diệt những gì? Lúc các

pháp diệt đã có tác dụng thì còn gì mà sinh? ”

Hỏi: nên pháp đã làm nhân năng tác cho nhiều pháp, nhiều pháp cũng làm nhân năng tác cho nhiều pháp; lúc nên pháp làm nhân năng tác cho nhiều pháp, là như nên pháp làm nhân cho nhiều pháp, hay là như nhiều pháp làm nhân cho nhiều pháp? Lúc nhiều pháp làm nhân năng tác cho nên pháp, là như nhiều pháp làm nhân cho nên pháp, hay là như nên pháp làm nhân cho nên pháp? Giả sử như vậy thì có gì sai? Lúc nên pháp này làm nhân năng tác cho nhiều pháp, nếu như nên pháp làm nhân cho nhiều pháp, thì tại sao không cùng nên nhân mà quả cũng thành nên? Nếu như nhiều pháp làm nhân cho nhiều pháp, thì tại sao không phải nhiều quả mà nhân cũng thành nhiều? Lúc nhiều pháp này làm nhân năng tác cho nên pháp, nếu như nhiều pháp làm nhân cho nên pháp, thì tại sao không phải nhiều nhân mà quả cũng thành nhiều? Nếu như nên pháp làm nhân cho nên pháp, thì tại sao không phải nên quả mà nhân cũng thành nên?

Đáp: Nên đưa ra cách nói như vậy: Lúc nên pháp làm nhân năng tác cho nhiều pháp, cũng như nhiều pháp làm nhân cho nên pháp; lúc nhiều pháp làm nhân năng tác cho nên pháp, cũng như nên pháp làm nhân cho nhiều pháp.

Hỏi: Nếu như vậy thì nên sẽ thành nhiều và nhiều sẽ thành nên chăng?

Đáp: Tôi nói nên cũng thành nhiều và nhiều cũng thành nên, đây là dựa vào tác dụng chứ không dựa vào thật Thể. Tôi nói các nhân lấy tác dụng làm quả, chứ không phải là lấy thật Thể làm quả. Lại nói: Các quả lấy tác dụng làm nhân chứ không phải là lấy thật Thể làm nhân, bởi vì thật Thể của các pháp thường hằng không có chuyển biến, chẳng phải là nhân-quả. Nhưng mà pháp vô vi gọi là nhân năng tác, chỉ vì không làm chướng ngại chứ không phải là có thể thành tựu quả.

Lại nữa, pháp hữu vi làm nhân năng tác cho pháp hữu vi, cũng lấy pháp hữu vi làm quả tăng thượng; pháp hữu vi không làm nhân năng tác cho pháp vô vi, cũng không lấy pháp vô vi làm quả tăng thượng; pháp vô vi không làm nhân năng tác cho pháp vô vi, cũng không lấy pháp vô vi làm quả tăng thượng; pháp vô vi tuy làm nhân năng tác cho pháp hữu vi, mà không lấy pháp hữu vi làm quả tăng thượng, bởi vì không có tác dụng Thủ quả (dẫn đến quả) và Dữ quả (mang lại quả).

Hỏi: Vì sao pháp hữu vi có nhân-có quả, mà pháp vô vi thì không có nhân-không có quả?

Đáp: Bởi vì pháp hữu vi lưu chuyển ở thế gian cho nên có nhân-

có quả, pháp vô vi thì không như vậy cho nên không có nhân-quả. Như người đi xa cần phải chuẩn bị tiền bạc lương thực mới có thể đến được nơi mình đến, chứ không phải là người không đi. Lại nữa, bởi vì pháp hữu vi có tác dụng cho nên có nhân-có quả, pháp vô vi thì không như vậy cho nên không có nhân-quả. Như người theo việc kinh doanh cần phải chuẩn bị đầy đủ mới có thể có những thành tựu, chứ không phải là người không kinh doanh. Lại nữa, bởi vì pháp hữu vi có sinh-diệt cho nên có nhân-có quả, pháp vô vi thì không như vậy cho nên không có nhân-quả. Lại nữa, bởi vì pháp hữu vi có hòa hợp cho nên có nhân-có quả, pháp vô vi thì không như vậy cho nên không có nhân-quả. Lại nữa, bởi vì pháp hữu vi có ba tướng cho nên có nhân-có quả, pháp vô vi thì không như vậy cho nên không có nhân-quả. Lại nữa, bởi vì tánh của pháp hữu vi yếu kém cho nên có nhân, vì có tác dụng cho nên có quả, như người ốm yếu dựa vào người khác mà đứng vững, chứ không phải là người khỏe mạnh; pháp vô vi thì không như vậy cho nên không có nhân-quả. Lại nữa, pháp hữu vi như vua-như quyền thuộc của vua, như người giàu sang - như quyền thuộc của người giàu sang, như Nhân-đà-la và như quyền thuộc của nhân-đà-la, cho nên có nhân-có quả; pháp vô vi thì không như vậy cho nên không có nhân-quả.

Hỏi: Pháp hữu vi không sinh là vì pháp hữu vi làm cản trở mà khiến cho nó không dấy khởi, hay là pháp vô vi làm cản trở cho nên nó không sinh?

Đáp: Bởi vì pháp hữu vi làm cản trở mà khiến cho nó không dấy khởi, chứ không phải là pháp vô vi, bởi vì pháp vô vi làm nhân năng tác cho pháp hữu vi mà không làm chướng ngại đối với tất cả mọi lúc; như nước đổ vào mương, nếu nước không chảy tự nhiên thì vì nhân gì khác chứ không phải là mương làm trở ngại.

Hỏi: Lúc pháp vô vi làm nhân năng tác và tăng thượng duyên cho pháp hữu vi, thì loại nào là hơn hẳn, là duyên với pháp hữu vi ấy hay là những pháp khác?

Đáp: Như nhau chứ không có gì sai biệt, giống như hai nhúm đậu. Nếu pháp vô vi làm sở duyên duyên cho pháp hữu vi thì có đúng có sai.

Lại nữa, pháp quá khứ làm nhân năng tác cho pháp quá khứ, cũng lấy nó làm quả tăng thượng; pháp quá khứ làm nhân năng tác cho pháp vị lai-hiện tại, cũng lấy nó làm quả tăng thượng, nghĩa nói: Nếu tôi không làm nhân năng tác gần cho ông thì ông sẽ không có nhân. Nhưng mà pháp hữu vi thì không có pháp nào là không có nhân. Pháp vị lai làm

nhân năng tác cho pháp vị lai, cũng lấy nó làm quả tăng thượng; pháp vị lai làm nhân năng tác cho pháp quá khứ-hiện tại, nhưng không lấy nó làm quả tăng thượng. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì quả và nhân cùng có hoặc là ở sau, nghĩa nói: Nếu tôi không làm nhân năng tác gần cho ông thì ông sẽ không có quả. Nhưng mà pháp hữu vi thì không có pháp nào là không có quả. Pháp hiện tại làm nhân năng tác cho pháp hiện tại, cũng lấy nó làm quả tăng thượng; pháp hiện tại làm nhân năng tác cho pháp vị lai, cũng lấy nó làm quả tăng thượng, nghĩa nói: Nếu tôi không làm nhân năng tác gần cho ông thì ông sẽ không có quả. Nhưng mà pháp hữu vi thì không có pháp nào là không có quả.

Hỏi: Vì sao pháp sau làm nhân năng tác cho pháp trước, mà pháp trước không phải là quả tăng thượng của pháp sau?

Đáp: Nghĩa về không chướng ngại là nghĩa của nhân năng tác, quả chắc chắn là do sức mạnh của nhân mà dẫn đến và thành tựu (thủ-dữ); pháp sau đối với pháp trước không có sức mạnh của dẫn đến và thành tựu, cho nên pháp trước không phải là quả của pháp sau. Như pháp hữu vi lấy pháp vô vi làm nhân năng tác mà không phải là quả của nó, bởi vì nó không có sức mạnh của Thủ quả và Dữ quả.

Lại nữa, pháp thiện làm nhân năng tác cho pháp thiện, cũng lấy nó làm quả tăng thượng. Pháp thiện làm nhân năng tác cho pháp bất thiện-vô ký, cũng lấy nó làm quả tăng thượng. Pháp bất thiện làm nhân năng tác cho pháp bất thiện, cũng lấy nó làm quả tăng thượng; pháp bất thiện làm nhân năng tác cho pháp bất thiện-vô ký, cũng lấy nó làm quả tăng thượng. Pháp vô ký làm nhân năng tác cho pháp vô ký, cũng lấy nó làm quả tăng thượng; pháp vô ký làm nhân năng tác cho pháp thiện-bất thiện, cũng lấy nó làm quả tăng thượng. Như pháp thiện-bất thiện-vô ký lần lượt chuyển tiếp làm nhân năng tác và quả tăng thượng; như vậy pháp hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, pháp học-vô học-phi học phi vô học, pháp do kiến ma đoạn-do tu mà đoạn bất đoạn, pháp hữu sắc-vô sắc, pháp hữu kiến-vô kiến, pháp hữu đối-vô đối, pháp hữu lậu-vô lậu, pháp tương ưng-bất tương ưng..., nên biết cũng như vậy.

Lại nữa, có pháp thiện làm nhân năng tác gần cho pháp thiện, như do nghiệp thiện mà sinh vào nhà thích làm thiện, sinh rồi lại có thể tu nhiều hạnh tốt đẹp. Có pháp thiện làm nhân năng tác gần cho pháp bất thiện, như do nghiệp thiện mà sinh vào nhà giàu sang, sinh rồi sống buông thả tạo ra nhiều hành vi xấu ác. Có pháp bất thiện làm nhân năng tác gần cho pháp bất thiện, như do nghiệp bất thiện mà sinh vào nhà không có luật nghi, sinh rồi lại tạo ra nhiều hành vi xấu ác. Có

pháp bất thiện làm nhân năng tác gần cho pháp thiện, như do nghiệp bất thiện mà thân mắc phải bệnh tật khổ não, hoặc mất tài sản-địa vị, tâm sinh chần ngán mà hối hận, cố gắng tu những hạnh tốt lành. Có pháp bên trong làm nhân năng tác gần cho pháp bên trong, như nên hữu tình cung cấp cho nhiều người. Có pháp bên trong làm nhân năng tác gần cho pháp bên ngoài, như những người làm nông gieo trồng cấy hái lo việc đồng áng. Có pháp bên ngoài làm nhân năng tác gần cho pháp bên ngoài, như nước-phân... giúp cho mầm lúa được lớn lên. Có pháp bên ngoài làm nhân năng tác gần cho pháp bên trong, như đồ ăn thức uống... nuôi lớn hữu tình. Có pháp của nên nẻo làm nhân năng tác gần cho pháp của năm nẻo, như có nhiều người ăn thịt nên con dê, thân họ được khỏe mạnh rồi, có người làm điều thiện, có người làm điều ác; người làm điều thiện thì được sinh vào cõi trời-người, người làm điều ác thì rơi vào ba nẻo khổ đau.

Hỏi: Nếu lúc nên hữu tình làm hại sinh mạng mà tất cả hữu tình không gây chướng ngại, thì họ đã làm nhân năng tác cho hữu tình kia, sao tất cả không cùng mắc phải tội sát sinh?

Đáp: Bởi vì hữu tình ấy tự mình sát hại dấy khởi gia hạnh sát hại, cũng khiến cho quả đầy đủ mà mắc tội sát sinh; những hữu tình khác thì không như vậy, cho nên không mắc tội sát sinh. Lại nữa, bởi vì hữu tình ấy dấy khởi tâm ác mà cũng đoạn mạng loài khác, cho nên mắc tội sát sinh; những hữu tình khác thì không như vậy, cho nên không mắc tội sát sinh. Những nghiệp đạo khác đều dựa theo đây cần phải biết!

Hỏi: Những tài sản vật dụng bên ngoài do cộng nghiệp của tất cả hữu tình mà sinh khởi, tại sao kẻ trộm chỉ mắc tội đối với chủ tài sản, chứ không phải là những người khác?

Đáp: Bởi vì chủ tài sản tiếp nhận giữ gìn tài sản của mình, những người khác thì không như vậy, cho nên kẻ trộm chỉ mắc tội đối với chủ tài sản, chứ không phải là những người khác. Lại nữa, chủ tài sản đối với tài sản dấy khởi ý tưởng về tài sản mình có, kẻ trộm đối với tài sản ấy dấy lên ý tưởng mình là chủ tài sản, cho nên chỉ mắc tội đối với tài sản của người kia, chứ không phải là những người khác. Lại nữa, nếu tài sản vật dụng là quả Sĩ dụng và quả tăng thượng đối với người kia thì mắc tội đối với người kia, tài sản vật dụng là quả tăng thượng chứ không phải là quả Sĩ dụng đối với tất cả hữu tình khác, cho nên không mắc tội trộm cắp đối với họ.

Hỏi: Quả Sĩ dụng và quả tăng thượng có gì sai biệt?

Đáp: Do công sức làm ra mà có được là quả Sĩ dụng, không chướng

ngại mà có được là quả tăng thượng. Lại nữa, tài sản vật dụng đối với người làm ra là quả Sĩ dụng, đối với người sử dụng là quả tăng thượng. Như các loại trái-hạt đối với người gieo trồng là quả Sĩ dụng cũng là quả tăng thượng, đối với người sử dụng ăn uống chỉ là quả tăng thượng. Như các loại tài sản vật dụng đối với người tìm kiếm mong cầu là quả Sĩ dụng cũng là quả tăng thượng, đối với người tiếp nhận sử dụng thì chỉ là quả tăng thượng.

Hỏi: Những vật như châu-bái, núi Tô-mê-lô... ở tại khí thế giới này do cộng nghiệp của tất cả hữu tình mà phát khởi, ở trong đó nếu có người nhập Niết-bàn, thì tại sao những vật này không giảm bớt?

Đáp: Tôn giả Thế Hữu nói như vậy: “Nếu vật là quả Sĩ dụng và quả tăng thượng gần của họ thì cũng có giảm bớt, núi Tô-mê-lô... chỉ là quả tăng thượng xa của họ, cho nên không giảm bớt gì.” Lại nói như vậy: “Núi Tô-mê-lô là do cộng nghiệp của tất cả hữu tình mà phát khởi, giả sử ở trong đó có nên hữu tình tồn tại, do nghiệp lực của họ mà duy trì vững vàng, cho nên cũng không giảm bớt, huống là có vô lượng vô biên hữu tình chưa được Niết-bàn hay sao? Như người giàu sang tuy đã mạng chung, mà cung điện-vườn cây-voi ngựa của họ không ẩn mất theo họ, là bởi vì nghiệp lực của những hữu tình khác mà được duy trì; ở đây cũng như vậy.” Lại nói như vậy: “Ở trong này tuy có vô lượng hữu tình được nhập Niết-bàn và sinh đến xứ khác, mà lại có vô lượng vô biên hữu tình sinh đến thế giới này, bởi vì nghiệp lực của họ cho nên không giảm bớt.” Tôn giả Giác Thiên nói như vậy: “Đây là do nghiệp lực của quá khứ mà duy trì, cho nên không giảm bớt gì.”

Hỏi: Như chuyển luân vương đối với bốn châu lục đều được tự tại, là quả gì vậy?

Đáp: Uy thế của tự thân là quả dị thực, những vấn đề thuộc quyền cai quản là quả tăng thượng; vị ấy ở quá khứ tu tập tăng thượng, tự thân đầy đủ những nghiệp thiện cho nên nay cảm được hai quả thù thắng như vậy.

Lại nữa, có ba loại tăng thượng:

1. Tự tăng thượng.
2. Thế tăng thượng.
3. Pháp tăng thượng.

Tự tăng thượng, như có nên loại phiền não chưa đoạn mà cảnh ác hiện rõ trước mắt, vì tự mình giữ gìn không dấy khởi nghiệp ác, tự nghĩ rằng mình dừng vì điều này mà rơi vào những nẻo ác. Thế tăng thượng, như có nên loại phiền não chưa đoạn mà cảnh ác hiện rõ trước



mắt, vì bảo vệ thế gian cho nên không dấy khởi nghiệp ác, tự nghĩ rằng mình đừng vì điều này mà làm cho người đời chê bai. Có người nói như vậy: đừng vì mình mà làm cho hữu tình thế gian tạo ra những nghiệp ác. Pháp tăng thượng, như có nên loại phiền não chưa đoạn mà cảnh ác hiện rõ trước mắt, vì bảo vệ pháp cho nên không giấy khởi nghiệp ác, tự nghĩ rằng chớ vì mình mà làm cho các thế gian khinh chê Chánh pháp. Ba loại tăng thượng này chính là nhân năng tác gần.

Hỏi: Vì sao ba loại này gọi là tăng thượng?

Đáp: Bởi vì không chướng ngại đối với pháp thiện, bởi vì nó dễ dàng tiếp cận với tăng thượng duyên.

Hỏi: Sức mạnh của nhân năng tác có tăng giảm hay không?

Đáp: Có, như lúc rất nhiều kéo cây gỗ lớn, trong đó có người dốc hết sức - có người không dốc hết sức, người dốc hết sức của họ thì nhân năng tác tăng lên, người không dốc hết sức thì nhân năng tác giảm xuống. Như lúc họ kéo cây gỗ, lúc dựng cột - kéo thuyền - chuyển đá..., nên biết cũng như vậy. Như bên ngoài đối với bên trong, hoặc bên trong đối với bên ngoài, trong và ngoài tự hưởng về với nhau cũng lại như vậy.

Hỏi: Nhân năng tác và quả tăng thượng thì loại nào là nhiều hơn?

Đáp: Nhân năng tác nhiều hơn mà quả tăng thượng ít hơn, bởi vì nhân năng tác thấu nhiếp tất cả pháp hữu vi và vô vi, quả tăng thượng chỉ thấu nhiếp các pháp hữu vi.

Hỏi: Vì vậy cho nên nói: “Có thể có pháp đối với pháp, chẳng phải là nhân năng tác chăng?”

Đáp: Có, đó là tự tánh đối với tự tánh.

Hỏi: Có thể có pháp đối với tha tánh, chẳng phải là nhân năng tác chăng?

Đáp: Có, đó là hữu vi đối với vô vi và vô vi đối với vô vi.”

Hỏi: Nhân năng tác lấy gì làm tự tánh?

Đáp: Tất cả các pháp. Đã nói về tự tánh, cho nên nay sẽ nói.

Hỏi: Vì sao gọi là nhân năng tác, năng tác là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về không chướng ngại là nghĩa của năng tác, nghĩa có việc làm là nghĩa của năng tác. Nhân năng tác này chắc chắn nối thông cả ba đời và có quả tăng thượng rời xa pháp thế gian. Như vậy đã biểu hiện rõ ràng tự tánh của sáu nhân, nay sẽ tiếp tục biểu hiện về nghĩa xen lẫn nhau và không xen lẫn nhau của sáu nhân.

Hỏi: Nếu pháp là nhân tương ứng thì pháp ấy cũng là nhân câu

hữu chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân tương ứng thì pháp ấy cũng là nhân câu hữu. Có pháp là nhân câu hữu mà pháp ấy không phải là nhân tương ứng, nghĩa là pháp không tương ứng với hữu vi.

Hỏi: Nếu pháp là nhân tương ứng thì pháp ấy cũng là nhân đồng loại chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là nhân tương ứng mà không phải là nhân đồng loại, nghĩa là có pháp tương ứng với vị lai.

2. Có pháp là nhân đồng loại mà không phải là nhân tương ứng, nghĩa là pháp không tương ứng với quá khứ - hiện tại.

3. Có pháp là nhân tương ứng cũng là nhân đồng loại, nghĩa là pháp tương ứng với quá khứ - hiện tại.

4. Có pháp chẳng phải là nhân tương ứng cũng chẳng phải là nhân đồng loại, nghĩa là pháp không tương ứng với vị lai và pháp vô vi.

Hỏi: Nếu pháp là nhân tương ứng thì pháp ấy cũng là nhân biến hành chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là nhân tương ứng mà không phải là nhân biến hành, nghĩa là trừ ra tùy miên biến hành của quá khứ - hiện tại và pháp tương ứng với nó, còn lại các pháp tương ứng.

2. Có pháp là nhân biến hành mà không phải là nhân tương ứng, nghĩa là tùy miên biến hành của quá khứ - hiện tại và pháp tương ứng với nó cùng sinh - lão - trú - vô thường.

3. Có pháp là nhân tương ứng cũng là nhân biến hành, nghĩa là tùy miên biến hành của quá khứ - hiện tại và pháp tương ứng với nó.

4. Có pháp chẳng phải là nhân tương ứng cũng chẳng phải là nhân biến hành, nghĩa là trừ ra tùy miên biến hành của quá khứ - hiện tại và pháp tương ứng với nó cùng sinh-lão-trú-vô thường, còn lại các pháp không tương ứng.

Hỏi: Nếu pháp là nhân tương ứng thì pháp ấy cũng là nhân dị thực chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là nhân tương ứng mà không phải là nhân dị thực, nghĩa là pháp tương ứng với vô lậu-vô ký.

2. Có pháp là nhân dị thực mà không phải là nhân tương ứng, nghĩa là pháp không tương ứng với hữu lậu thiện-bất thiện.

3. Có pháp là nhân tương ứng cũng là nhân dị thực, nghĩa là pháp

tương ứng với hữu lậu thiện - bất thiện.

4. Có pháp chẳng phải là nhân tương ứng cũng chẳng phải là nhân dị thực, nghĩa là pháp không tương ứng với vô lậu-vô ký.

Hỏi: Nếu pháp là nhân tương ứng thì pháp ấy cũng là nhân năng tác chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân tương ứng thì pháp ấy cũng là nhân năng tác; có pháp là nhân năng tác mà pháp ấy không phải là nhân tương ứng, nghĩa là pháp không tương ứng.

Hỏi: Nếu pháp nhân câu hữu thì pháp ấy cũng là nhân đồng loại chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân đồng loại thì pháp ấy cũng là nhân câu hữu; có pháp là nhân câu hữu mà pháp ấy chẳng phải là nhân đồng loại, nghĩa là pháp vị lai.

Hỏi: Nếu pháp là nhân câu hữu thì pháp ấy cũng là nhân biến hành chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân biến hành thì pháp ấy là nhân câu hữu; có pháp là nhân câu hữu mà pháp ấy chẳng phải là nhân biến hành, nghĩa là trừ ra tùy miên biến hành của quá khứ - hiện tại và pháp câu hữu tương ứng với nó, còn lại các pháp hữu vi.

Hỏi: Nếu pháp là nhân câu hữu thì pháp ấy cũng là nhân dị thực chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân dị thực thì pháp ấy cũng là nhân câu hữu; có pháp là nhân câu hữu mà pháp ấy chẳng phải là nhân dị thực, nghĩa là pháp hữu vi vô lậu - vô ký.

Hỏi: Nếu pháp là nhân câu hữu thì pháp ấy cũng là nhân năng tác chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân câu hữu thì pháp ấy cũng là nhân năng tác; có pháp là nhân năng tác mà pháp ấy chẳng phải là nhân câu hữu, nghĩa là pháp vô vi.

Hỏi: Nếu pháp là nhân đồng loại thì pháp ấy cũng là nhân biến hành chẳng?

Đáp: Nếu pháp là nhân biến hành thì pháp ấy cũng là nhân đồng loại; có pháp là nhân đồng loại mà pháp ấy chẳng phải là nhân biến hành, nghĩa là trừ ra tùy miên biến hành của quá khứ - hiện tại và pháp câu hữu tương ứng với nó, còn lại các pháp quá khứ - hiện tại.

Hỏi: Nếu pháp là nhân đồng loại thì pháp ấy cũng là nhân dị thực chẳng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là nhân đồng loại mà không phải là nhân dị thực, nghĩa là pháp vô lậu - vô ký của quá khứ - hiện tại.

2. Có pháp là nhân dị thực mà không phải là nhân đồng loại, nghĩa là pháp hữu lậu thiện - bất thiện của vị lai.

3. Có pháp là nhân đồng loại cũng là nhân dị thực, nghĩa là pháp hữu lậu thiện - bất thiện của quá khứ - hiện tại.

4. Có pháp chẳng phải là nhân đồng loại cũng chẳng phải là nhân dị thực, nghĩa là pháp vô lậu vô ký của vị lai và pháp vô vi.

Hỏi: Nếu pháp là nhân đồng loại thì pháp ấy cũng là nhân năng tác chăng?

Đáp: Nếu pháp nhân đồng loại thì pháp ấy cũng là nhân năng tác; có pháp nhân năng tác mà pháp ấy chẳng phải là nhân đồng loại, nghĩa là pháp vị lai và pháp vô vi.

Hỏi: Nếu pháp là nhân biến hành thì pháp ấy cũng là nhân dị thực chăng?

Đáp: Nên làm thành bốn câu phân biệt:

1. Có pháp là nhân biến hành mà không phải là nhân dị thực, nghĩa là tùy miên biến hành vô ký của quá khứ - hiện tại và pháp câu hữu tương ứng với nó.

2. Có pháp là nhân dị thực mà không phải là nhân biến hành, nghĩa là trừ ra tùy miên biến hành bất thiện của quá khứ - hiện tại và pháp câu hữu tương ứng với nó, còn lại các pháp hữu lậu thiện-bất thiện.

3. Có pháp là nhân biến hành cũng là nhân dị thực, nghĩa là tùy miên biến hành bất thiện của quá khứ - hiện tại và pháp câu hữu tương ứng với nó.

4. Có pháp chẳng phải là nhân biến hành cũng chẳng phải là nhân dị thực, nghĩa là trừ ra tùy miên biến hành vô ký của quá khứ-hiện tại và pháp câu hữu tương ứng với nó, còn lại các pháp vô ký và vô lậu.

Hỏi: Nếu pháp là nhân biến hành thì pháp ấy cũng là nhân năng tác chăng?

Đáp: Nếu pháp là nhân biến hành thì pháp ấy cũng là nhân năng tác; có pháp là nhân năng tác mà pháp ấy chẳng phải là nhân biến hành, nghĩa là trừ ra tùy miên biến hành của quá khứ-hiện tại và pháp câu hữu tương ứng với nó, còn lại tất cả các pháp khác.

Hỏi: Nếu pháp là nhân dị thực thì pháp ấy cũng là nhân năng tác chăng?

Đáp: Nếu pháp là nhân dị thực thì pháp ấy cũng là nhân năng tác;

có pháp là nhân năng tác mà pháp ấy chẳng phải là nhân dị thực, nghĩa là pháp vô ký và vô lậu.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân là sắc, mấy nhân là phi sắc?

Đáp: Hai nhân chỉ riêng phi sắc, đó là nhân tương ứng và nhân biến hành, bốn nhân còn lại nối thông cả sắc và phi sắc. Như sắc và phi sắc, hữu kiến-vô kiến, hữu đối-vô đối, hữu chấp thọ-vô chấp thọ, là trường dưỡng-phi trường dưỡng, là đại chủng-phi đại chủng, là tạo sắc-phi tạo sắc cũng như vậy.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân hữu lậu, mấy nhân vô lậu?

Đáp: Hai nhân chỉ riêng hữu lậu, đó là nhân biến hành và nhân dị thực, bốn nhân còn lại nối thông cả hữu lậu và vô lậu.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân hữu vi, mấy nhân vô vi?

Đáp: Năm nhân chỉ riêng hữu vi, nên nhân chung cả hữu vi và vô vi, đó là nhân năng tác.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân quá khứ, mấy nhân vị lai, mấy nhân hiện tại?

Đáp: Ba nhân nối thông cả ba đời, đó là nhân tương ứng-câu hữu-dị thực; hai nhân chỉ có quá khứ-hiện tại, đó là nhân đồng loại-biến hành; nên nhân nối thông cả ba đời và cũng rời xa thế gian, đó là nhân năng tác.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân thiện, mấy nhân bất thiện, mấy nhân vô ký?

Đáp: Nên nhân chỉ riêng bất thiện-vô ký, đó là nhân biến hành; nên nhân chỉ riêng thiện-bất thiện, đó là nhân dị thực; bốn nhân còn lại chung cả ba loại.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân hệ thuộc cõi Dục, mấy nhân hệ thuộc cõi Sắc, mấy nhân hệ thuộc cõi Vô sắc?

Đáp: Hai nhân chỉ hệ thuộc ba cõi đó là nhân biến hành và dị thực; bốn nhân còn lại hệ thuộc cả ba cõi và không hệ thuộc.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân là học, mấy nhân là vô học, mấy nhân là phi học phi vô học?

Đáp: Hai nhân chỉ riêng phi học phi vô học, đó là nhân biến hành và dị thực, bốn nhân còn lại chung cả ba loại.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân là kiến sở đoạn, mấy nhân là tương ứng sở đoạn, mấy nhân là bất đoạn?

Đáp: Nên nhân chỉ riêng kiến sở đoạn, đó là nhân biến hành; nên nhân chỉ riêng kiến sở đoạn và tương ứng sở đoạn, đó là nhân dị thực; bốn nhân còn lại chung cả ba loại.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân nhiễm ô, mấy nhân không nhiễm ô?

Đáp: Nên nhân chỉ riêng nhiễm ô, đó là nhân biến hành, năm nhân còn lại chung cả hai loại. Như nhiễm ô và không nhiễm ô, có tội-không có tội, hắc-bạch, hựu phú-vô phú, lui sụt-chẳng lui sụt cũng như vậy.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân là có dị thực, mấy nhân không có dị thực?

Đáp: Nên nhân có dị thực, đó là nhân dị thực; năm nhân còn lại chung cả hai loại.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân là dị thực, mấy nhân không phải là dị thực?

Đáp: Hai nhân không phải là dị thực, đó là nhân biến hành và nhân dị thực; bốn nhân còn lại chung cả hai loại.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân tương ứng, mấy nhân không tương ứng?

Đáp: Nên nhân chỉ riêng tương ứng, đó là nhân tương ứng; năm nhân còn lại chung cả hai loại. Như tương ứng và không tương ứng, có sở y-không có sở y, có sở duyên-không có sở duyên, có hành tương-không có hành tương, có cảnh giác-không có cảnh giác, có đẳng vô gián-không có đẳng vô gián cũng như vậy.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân là bốn Đế thâm nhiếp, mấy nhân không phải là bốn Đế thâm nhiếp?

Đáp: Hai nhân chỉ riêng Khổ-Tập đế thâm nhiếp, đó là nhân biến hành và dị thực; ba nhân chỉ riêng Khổ-Tập-Đạo đế thâm nhiếp, đó là nhân tương ứng-câu hữu và đồng loại; nên nhân nối thông cả bốn Đế và phi Đế thâm nhiếp, đó là nhân năng tác.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân là năm Uẩn thâm nhiếp, mấy nhân chẳng phải là năm Uẩn thâm nhiếp?

Đáp: Hai nhân chỉ do bốn Uẩn thâm nhiếp trừ ra sắc Uẩn, đó là nhân tương ứng và nhân biến hành; ba nhân chung cả năm Uẩn thâm nhiếp, đó là nhân câu hữu-đồng loại và dị thực; nên nhân chung cả năm Uẩn và phi Uẩn thâm nhiếp, đó là nhân năng tác.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân là xứ nào thâm nhiếp?

Đáp: Hai nhân chỉ do Ý xứ- Pháp xứ thâm nhiếp, đó là do nhân tương ứng và biến hành; nên nhân chỉ do Sắc-Thanh-Ý và Pháp xứ thâm nhiếp, đó là nhân dị thực; ba nhân chung cả mười hai xứ thâm nhiếp, đó là nhân câu hữu-đồng loại và năng tác.

Hỏi: Sáu nhân này có mấy nhân là Giới nào thâm nhiếp?

Đáp: Nên nhân chỉ do Ý-Pháp và Ý thức thâm nhiếp, đó là nhân biến hành; nên nhân chỉ do bảy tâm giới ( sáu thức và ý căn) và Pháp giới thâm nhiếp, đó là nhân tương ứng; nên nhân chỉ do Sắc-Thanh-bảy tâm và Pháp giới thâm nhiếp, đó là nhân dị thực; ba nhân chung cả mười tám Giới thâm nhiếp, đó là nhân câu hữu-đồng loại và năng tác.

Hỏi: Sáu nhân như vậy thì có quả gì?

Đáp: Nhân tương ứng và nhân câu hữu thì có quả Sĩ dụng, nhân đồng loại và nhân biến hành có quả Đẳng lưu, nhân dị thực có quả Dị thực, nhân năng tác có quả Tăng thượng, quả giải thoát ấy là do đạo mà chứng chứ không phải là do nhân mà được.

Hỏi: Sáu nhân như vậy thì lúc nào Thủ quả ( dẫn đến quả) và lúc nào Dữ quả ( thành tựu quả)?

Đáp: Nhân tương ứng và nhân câu hữu thì hiện tại Thủ quả-hiện tại Dữ quả, nên sát-na Thủ quả-nên sát-na Dữ quả, Thủ quả trong nên sát-na-Dữ quả trong nên sát-na; nhân đồng loại và nhân biến hành thì hiện tại Thủ quả, quá khứ và hiện tại Dữ quả, nên sát-na Thủ quả-nhiều sát-na Dữ quả, Thủ quả trong nhiều sát-na-Dữ quả trong nhiều sát-na; nhân dị thực thì hiện tại Thủ quả-quá khứ Dữ quả, nên sát-na Thủ quả-nhiều sát-na Dữ quả, Thủ quả trong nhiều sát-na-Dữ quả trong nhiều sát-na. Nhân năng tác thì có người đưa ra cách nói như vậy: Hiện tại Thủ quả-quá khứ và hiện tại Dữ quả, nên sát-na Thủ quả-nhiều sát-na Dữ quả, Thủ quả trong nhiều sát-na-Dữ quả trong nhiều sát-năng. Có Sư khác nói: Nhân năng tác này thì quá khứ và hiện tại Thủ quả-quá khứ và hiện tại Dữ quả, nhiều sát-na Dữ quả-nhiều sát-na Dữ quả. Nếu lúc Thủ quả thì có thể Dữ quả, còn lại như trước đã nói. Nếu có thể hiểu rõ ràng về sáu nhân như vậy, thì đối với bốn Quả có thể quan sát đối chiếu rõ ràng, như nhìn những hạt cam khác nhau trong lòng bàn tay.

Lại nữa, tác dụng của các pháp cần phải nhờ vào nhân duyên, nhân đã biện giải rộng ra, tiếp đến phải nói về duyên. Duyên có bốn loại, như luận Thi Thiết và chương Kiến Uẩn biện giải. Nhưng luận Thi Thiết đưa ra cách nói như vậy: “Có pháp là nhân duyên mà pháp ấy cũng đẳng vô gián duyên, cũng là sở duyên duyên, cũng là tăng thượng duyên..., cho đến có pháp là tăng thượng duyên mà pháp ấy cũng là nhân duyên, cũng là đẳng vô gián duyên, cũng là sở duyên duyên”.

Hỏi: Trong tất cả các pháp, có pháp có thể làm bốn duyên là như tâm-tâm sở pháp, có pháp có thể làm ba duyên là như sắc-tâm bất tương ứng hành, có pháp có thể làm hai duyên là như pháp vô vi, tại sao

luận ấy nói: “Có pháp là nhân duyên mà pháp ấy cũng là đẳng vô gián duyên, cho đến nói rộng ra”?

Đáp: Luận ấy dựa vào lý Dung Hữu ( có thể có) cho nên đưa ra cách nói như vậy, nghĩa là trong các pháp có tâm-tâm sở đầy đủ tánh của bốn duyên, chứ không nói là tất cả các pháp đều làm bốn duyên. Nếu tận cùng về lý thì cần phải đưa ra cách nói như vậy.

Hỏi: Nếu pháp là nhân duyên thì pháp ấy cũng là đẳng vô gián duyên chăng?

Đáp: Nếu pháp là đẳng vô gián duyên thì pháp ấy cũng là nhân duyên; có pháp là nhân duyên mà pháp ấy chẳng phải là đẳng vô gián duyên, nghĩa là trừ ra tâm-tâm sở pháp chẳng phải là cuối cùng của quá khứ-hiện tại, còn lại tất cả pháp hữu vi.

Hỏi: Nếu pháp là nhân duyên thì pháp ấy cũng là sở duyên duyên chăng?

Đáp: Nếu pháp là nhân duyên thì pháp ấy cũng là sở duyên duyên; có pháp là sở duyên duyên mà pháp ấy chẳng phải là nhân duyên, nghĩa là pháp vô vi.

Hỏi: Nếu pháp là nhân duyên thì pháp ấy cũng là tăng thượng duyên chăng?

Đáp: Nếu pháp là nhân duyên thì pháp ấy cũng là tăng thượng duyên; có pháp là tăng thượng duyên mà pháp ấy chẳng phải là nhân duyên, nghĩa là pháp vô vi.

Hỏi: Nếu pháp là đẳng vô gián duyên thì pháp ấy cũng là sở duyên duyên chăng?

Đáp: Nếu pháp là đẳng vô gián duyên thì pháp ấy cũng là sở duyên duyên; có pháp là sở duyên duyên mà pháp ấy chẳng phải là đẳng vô gián duyên, nghĩa là trừ ra tâm-tâm sở pháp chẳng phải là cuối cùng của quá khứ - hiện tại, còn lại tất cả các pháp.

Hỏi: Nếu pháp là đẳng vô gián duyên thì pháp ấy cũng là tăng thượng duyên chăng?

Đáp: Nếu pháp là đẳng vô gián duyên thì pháp ấy cũng là tăng thượng duyên; có pháp là tăng thượng duyên mà pháp ấy chẳng phải là đẳng vô gián duyên, nghĩa là trừ ra tâm-tâm sở pháp chẳng phải là cuối cùng của quá khứ-hiện tại, còn lại tất cả các pháp.

Hỏi: Nếu pháp là sở duyên duyên thì pháp ấy cũng là tăng thượng duyên chăng?

Đáp: Đúng như vậy.

Hỏi: Nếu đối với nên pháp đầy đủ bốn duyên thì chỉ cần nên



duyên chứ tại sao thiết lập bốn duyên?

Đáp: Dựa vào tác dụng mà thiết lập chứ không dựa vào Thể của vật, bởi vì trong Thể của nên vật có bốn tác dụng, nghĩa là tâm-tâm sở pháp trong nên sát-na dẫn dắt phát khởi tâm-tâm sở pháp đồng loại trong sát-na tiếp theo sau, cho nên thiết lập làm nhân duyên; ngay sự phát triển này, khiến tâm-tâm sở pháp trong sát-na tiếp theo sau được sinh khởi, cho nên thiết lập làm đẳng vô gián duyên; dựa vào năng lực này làm cho tâm-tâm sở pháp trong sát-na tiếp theo sau đã chọn lấy cảnh, cho nên thiết lập làm sở duyên duyên; ngay lúc ấy không chướng ngại khiến tâm-tâm sở pháp trong sát-na tiếp theo sau được sinh khởi, cho nên thiết lập làm tăng thượng duyên. Trong này, nhân duyên như pháp của hạt giống, đẳng vô gián duyên như pháp mở đường, sở duyên như pháp nhận cây gậy, tăng thượng duyên như pháp không chướng ngại. Như vậy, tâm-tâm sở pháp chẳng phải là cuối cùng của quá khứ-hiện tại có đủ tánh của bốn duyên; còn lại pháp hữu vi có tánh của ba duyên, ba pháp vô vi có tánh của hai duyên, đều dựa vào nghĩa mà nói chứ không dựa vào Thể của vật, bởi vì trong Thể của nên vật có nhiều nghĩa, như trong các pháp có pháp có năng lực thực hiện. Sáu nhân, nghĩa là tùy miên biến hành bất thiện của quá khứ-hiện tại và pháp tương ứng với nó có năng lực thực hiện. Năm nhân, nghĩa là tùy miên biến hành vô ký của quá khứ-hiện tại và pháp tương ứng với nó, hoặc là tùy miên biến hành bất thiện của quá khứ-hiện tại và pháp tương ứng với nó cùng với sinh-lão-trú-vô thường, hoặc là tâm-tâm sở pháp hữu lậu thiện-bất thiện chẳng phải là biến hành của quá khứ-hiện tại đều có năng lực thực hiện. Bốn nhân, nghĩa là tùy miên biến hành vô ký của quá khứ-hiện tại và pháp tương ứng với nó cùng với sinh-lão-trú-vô thường, hoặc là sắc-tâm bất tương ứng hành hữu lậu thiện-bất thiện chẳng phải là biến hành của quá khứ-hiện tại, hoặc là tâm-tâm sở pháp vô lậu của quá khứ hiện tại, hoặc là tâm-tâm sở pháp hữu lậu thiện-bất thiện của vị lai đều có năng lực thực hiện. Ba nhân, nghĩa là sắc- tâm bất tương ứng hành vô ký chẳng phải là biến hành của quá khứ-hiện tại, hoặc là sắc-tâm bất tương ứng hành vô lậu của quá khứ-hiện tại, hoặc là sắc-tâm bất tương ứng hành hữu lậu thiện-bất thiện của vị lai, hoặc là tâm-tâm sở pháp vô lậu vô ký của vị lai đều có năng lực thực hiện. Hai nhân, nghĩa là sắc-tâm bất tương ứng hành vô lậu vô ký của vị lai đều có năng lực thực hiện. Nên nhân, nghĩa là pháp vô vi giống như nhau, pháp hữu vi thì có nhiều. Nghĩa của nhân không trái ngược với nhau, duyên cũng phải như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì nhân và duyên có gì sai biệt?

Đáp: Tôn giả Thế hữu nói như vậy: Không có gì sai biệt, nhân tức là duyên và duyên tức là nhân. Như trong kinh nói: “Hai nhân, hai duyên có thể phát sinh Chánh kiến, nghĩa là âm thanh ngôn ngữ của người khác và nội tâm tác ý đúng như lý”. Lại như kinh Đại Nhân Duyên nói: “Đức Phật bảo với A-nan: Chi lão-tử có nguyên do như vậy, có nhân như vậy, có tập như vậy, có sinh như vậy, có duyên như vậy, đó gọi là chi Sinh”. Do đó biết rằng nhân và duyên chẳng có gì sai biệt. Lại nói như vậy: “Nếu có cái này thì có cái kia, cái này là nhân của cái kia, cũng là duyên của cái kia”.

Hỏi: Bởi vì có chiếc bình cho nên có được sự hiểu biết về chiếc bình, lẽ nào sự hiểu biết về chiếc bình này làm nhân hay sao?

Đáp: Không phải là chỉ có chiếc bình thì có sự hiểu biết về chiếc bình, bởi vì lúc không có chiếc bình mà cũng có sự hiểu biết về chiếc bình, cho dù lúc có chiếc bình mà không có sự hiểu biết về chiếc bình, nhưng mà có hòa hợp cho nên có được sự hiểu biết về chiếc bình, vì vậy hòa hợp là nhân duyên hiểu biết về chiếc bình. Có người nói như vậy: Hòa hợp là nhân, nhân hòa hợp này gọi là duyên.

Hỏi: Nếu mỗi nên pháp tách biệt thì không gọi là nhân, nhiều sự việc hòa hợp cũng thuận theo không phải là nhân chăng?

Đáp: Như mỗi nên pháp tách biệt thì không gọi là hòa hợp, nhiều sự việc tụ tập thì gọi là hòa hợp, do đó mỗi nên pháp tách biệt thì không gọi là nhân, nhiều sự việc hòa hợp mới được gọi là nhân. Lại có người nói: Đồng loại là nhân, dị loại là duyên, như lửa với lửa, lúa mì với mầm lúa mì, gọi là đồng loại.

Hỏi: Lúa mì với mầm lúa mì có gì đồng loại? Nếu cùng tên gọi lúa mì mà nói là đồng loại, thuận theo ruộng - nước... cùng chung Đại chủng cho nên cũng gọi là đồng loại, thì ruộng - nước... phải là nhân của lúa mì?

Đáp: Lại có người nói: Gấn là nhân, xa là duyên.

Hỏi: Nếu như vậy thì nhân và đẳng vô gián duyên phải không có sai biệt; vả lại, tâm thiện vô gián đấy khởi bất thiện, hoặc là tâm vô ký phải là nhân chứ không phải là duyên?

Đáp: Lại có người nói: Không giống nhau là nhân, giống nhau là duyên.

Hỏi: Nếu như vậy thì nhãn đối với nhãn thức phải là nhân chứ không phải là duyên, bởi vì không giống nhau; vả lại, lúa mì với mầm lúa mì và tro đất phải là duyên chứ không phải là nhân, bởi vì đều là

giống nhau?

Đáp: Lại có người nói: Có năng lực sinh ra là nhân, tùy theo năng lực sinh ra là duyên.

Hỏi: Nếu như vậy thì chi Sinh đối với Lão tử sẽ không phải là duyên, tùy thuận chi Sinh và Hữu... đối với Lão tử sẽ không phải là nhân?

Đáp: Lại có người nói: Có năng lực nuôi lớn tự nhiên nối tiếp nhau là nhân, có năng lực nuôi lớn nhờ nơi khác mà nối tiếp nhau là duyên.

Hỏi: Nếu như vậy thì duyên vào tự nhiên nối tiếp nhau mà dấy khởi tâm thiện, chỉ có nuôi lớn tự nhiên nối tiếp nhau phải là nhân chứ không phải là duyên?

Đáp: Đại đức nói rằng: Chuyển là nhân - tùy chuyển là duyên, gần là nhân - xa là duyên; như gần - xa, ở nơi này - ở nơi kia, hòa hợp

- không hòa hợp, ở thân này - ở thân khác, nên biết cũng như vậy.

Hỏi: Nếu như vậy thì đồng loại tùy chuyển phải là duyên chứ không phải là nhân, Vô minh duyên Hành... phải là nhân chứ không phải là duyên?

Đáp: Bởi vì Thể của nhân - duyên tuy không có gì sai biệt mà nghĩa thì có khác, đó là nghĩa về nhân thì gần gũi, nghĩa về duyên thì xa cách, vì biểu hiện nghĩa này cho nên nói nhân có sáu loại, nói duyên có bốn loại. Nếu không như vậy thì danh và số cần phải giống nhau.

